

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HSST

Ngày: 27/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Bá Bấy** - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường THCS Phước Lộc

2. Ông **Võ Thanh Đức** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước

Nơi công tác: Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã L

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông **Hoàng Kim Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 73/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐÌNH N - Sinh năm: 1990, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở: Khu phố 06, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 08/12 - Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Đình T, sinh năm: 1970 và bà: Trần Thị Thu L, sinh năm 1970.

Vợ: Lê Thị Bích T, sinh năm: 1991; Có 02 con, một con sinh năm 2010, một con sinh năm 2014.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày **13/7/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bị hại: **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1972 - Trú: Khu phố 04, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Lê Thị Bích T**, sinh năm: 1991.

Trú: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

Chỗ ở: Khu phố 06, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Đình N bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05 tháng 7 năm 2017, Nguyễn Đình N điều khiển xe gắn máy biển số 49AD-017.97 đến cây xăng số 1 thuộc phường P, thị xã L để đổ xăng. Tại đây, N quan sát thấy chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1972 - Trú: Khu phố 04, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, mở cốp chiếc xe Yamaha Nouvo, biển số 86H8-1152 để lấy tiền nhưng chưa sập chốt khoá, nên N nảy sinh lòng tham và điều khiển xe máy bám theo xe chị H để chờ cơ hội chiếm đoạt tài sản. Khi chị H chạy xe đến nhà số 130/5 Lê Lợi, khu phố 3, phường P, thị xã L và để xe ở ngoài, đi vào thu tiền huê. Lợi dụng thời điểm này, N nhanh chóng tiếp cận, mở yên xe, lấy chiếc túi xách màu xanh của chị H rồi điều khiển xe về nhà trọ tại phường T, thị xã L. Khi về phòng, N kiểm tra túi xách thì phát hiện bên trong có các tài sản gồm: 01 bóp da màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu hồng và số tiền 30.000.000 đồng (Bao gồm 10.000.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng và 20.000.000 đồng là tiền mệnh giá 500.000 đồng). Sau đó, N đưa toàn bộ tài sản cho vợ là chị Nguyễn Thị Bích T và nói nhặt được ở chợ, chị T lấy điện thoại sử dụng, còn tiền thì vợ chồng N dùng để trả nợ cho mẹ vợ 10.000.000 đồng, trả tiền nhà trọ 2.000.000 đồng, mua 01 chiếc nhẫn và 01 dây chuyền, số còn lại dùng để tiêu xài. Đến ngày 13/7/2017, Công an phường P triệu tập N lên làm việc, tại đây N thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Vợ chồng N đã giao nộp các tài sản gồm: 01 túi xách màu xanh; 01 bóp da màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu hồng; 01 dây kim loại hình mắc xích màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng; số tiền 900.000 đồng và chiếc xe Cup biển số 49AD-017.97. Đến ngày 20/8/2017, chị T giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 23.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho chị H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 71/KL-ĐGTS ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận:

- 01 điện thoại di động SamSung màu hồng, số seri: R58H607TZNB, máy đã qua sử dụng, giá trị là 3.500.000 đồng.

- 01 túi xách màu xanh, có hình sao trắng, có chữ Life style, túi xách đã qua sử dụng, có giá trị là 20.000 đồng.

- 01 ví da màu đỏ, đã qua sử dụng, có giá trị 20.000 đồng

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Đình N chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H là **33.540.000** đồng.

Về vật chứng vụ án và dân sự: Các tài sản gồm: 01 túi xách; 01 bóp da; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung; 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng (giá trị 5.817.000 đồng) và số tiền 23.900.000 đồng do vợ chồng bị cáo N giao nộp. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H vào ngày 06/9/2017. Chị H không có yêu

cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đình N.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 49AD - 017.97, quá trình điều tra xác định đây là tài sản riêng của chị Lê Thị Bích T, chị T không có lỗi trong việc N sử dụng xe để trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

Tại bản cáo trạng số: 70/QĐ-VKS ngày 13/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Đình N, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình N và đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N, phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Phạt bị cáo Nguyễn Đình N, mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp; Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 283.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại Tòa, bị cáo Nguyễn Đình N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại nhà số 130/5 đường Lê Lợi, thuộc khu phố 3, phường P, thị xã L. Bị cáo Nguyễn Đình N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc túi xách của chị Nguyễn Thị Thu H để trong cốp xe máy hiệu Yamaha Nouvo, biển số 86H8-1152, bên trong có các tài sản gồm: 01 bóp da màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu hồng và số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo N đưa toàn bộ tài sản này cho vợ là chị Lê Thị Bích T và nói nhặt được ở chợ, chị T lấy chiếc điện thoại sử dụng, còn tiền thì vợ chồng N dùng để trả nợ cho mẹ vợ 10.000.000 đồng, trả tiền nhà trọ 2.000.000 đồng, mua 01 chiếc nhẫn bằng vàng và 01 dây chuyền bằng vàng, số tiền còn lại dùng để tiêu xài. Đến ngày 13/7/2017, Công an phường P triệu tập bị cáo N lên làm việc và bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-ĐGTS ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 điện thoại di động SamSung màu hồng, số seri: R58H607TZNB, máy đã qua sử dụng, giá trị là 3.500.000 đồng; 01 túi xách màu xanh, có hình sao trắng, có chữ Life style, túi xách đã qua sử dụng, có giá trị là 20.000 đồng; 01 ví da màu đỏ, đã qua sử dụng, có giá trị 20.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Đình N đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H là **33.540.000** đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đình N đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình Nghĩa về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có gia đình, có đầy đủ sức khỏe để lao động tạo thu nhập chính đáng. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ, với mong muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động nặng nhọc, nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị H, nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình N là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, để lập lại trật tự, trị an xã hội, đồng thời tạo tâm lý an toàn trong quần chúng nhân dân, cần phải xử lý nghiêm, để không những răn đe, giáo dục chính bị cáo, mà còn làm gương cho những người khác.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình N, Hội đồng xét xử xem xét có cho bị cáo tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại Tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự; Hành vi phạm tội mang tính bộc phát nhất thời; Hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ; Tài sản đã được thu hồi kịp thời để trả lại cho người bị hại; Quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại và được người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm b, Điểm h, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với chị Lê Thị Bích T (vợ bị cáo N) có hành vi nhận tiền, tài sản và sử dụng chiếc điện thoại di động mà bị cáo N trộm cắp của chị H mà có, quá trình điều tra xác định, chị T không biết các tài sản trên là tài sản bất hợp pháp, nên hành vi của chị T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, cơ quan CSĐT công an thị xã L không đề nghị xử lý đối với chị T là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại chị Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản, gồm: 01 túi xách; 01 bóp da; 01 điện thoại di động hiệu SamSung; 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng giá trị 5.817.000 đồng; số tiền 23.900.000 đồng (do chị Lê Thị Bích T - vợ bị cáo Nghĩa giao nộp để khắc phục hậu quả cho người bị hại). Xét thấy, quá trình điều tra và căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt, thì chị H không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường gì thêm về phần dân sự. Do đó, đối với số tiền 283.000 đồng là tiền mà bị cáo Nghĩa có được do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo N phải có nghĩa vụ nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đình N, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; Điểm b, điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đình N **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **13/7/2017**.

* **Áp dụng:** Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC.

Tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 283.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Nguyễn Đình N chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính nêu trên để sung quỹ Nhà nước, thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất 10%/ năm, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

* **Áp dụng:** Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đình N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Từ Quốc Thái Bình